

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần
cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 và Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú chuyển đổi hình thức thuê đất đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 816/TTr-STNMT ngày 30/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, cụ thể như sau:

1. Mục đích định giá đất:

Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

2. Thông tin về khu đất cần định giá

a) Khu đất tọa lạc tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

b) Tổng diện tích khu đất: 324.944,3 m².

c) Mục đích sử dụng đất:

- Đất thương mại, dịch vụ.
- Đất khu công nghiệp (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ).

d) Thời điểm định giá: Tháng 11/2019.

3. Kết quả xác định giá đất

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
A	Đất khu công nghiệp	319.255,8		134.001.518.353
1	Đối với diện tích 107.935,6 m²			
	Đường phố loại IV - vị trí trên 200m	107.935,6	372.278	40.182.049.297
2	Đối với diện tích 211.320,2 m²			
a	Đường phố loại IV - vị trí 1	5.887,0	1.051.139	6.188.055.293
b	Đường phố loại IV - vị trí 2	14.405,0	598.565	8.622.328.825
c	Đường phố loại IV - vị trí 3	27.751,0	525.570	14.585.093.070
d	Đường phố loại IV - vị trí 4	55.398,0	437.975	24.262.939.050
đ	Đường phố loại IV - vị trí trên 200m	107.879,2	372.278	40.161.052.818
B	Đất thương mại, dịch vụ	5.688,5		2.823.606.434
	Đường phố loại IV - vị trí trên 200m	5.688,5	496.371	2.823.606.434
C	Tổng cộng (A) + (B)	324.944,3		136.825.124.787
	Làm tròn			136.825.125.000
	Bằng chữ	Một trăm ba mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng.		

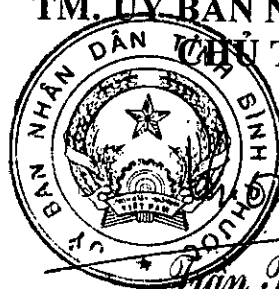
Ghi chú: Giá đất trên tính cho thời hạn sử dụng đất là 50 năm.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; Tổng giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Kiên